TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 27/3/2025
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thảo

2. Ông Trần Đặng Hồng Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 66/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thúy P, sinh năm 1972 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số G H, tổ B, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Phước Đ, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 11/10/2024 nguyên đơn – bà Dương Thúy P trình bày:

Theo Biên nhận ngày 10/5/2021, ông Huỳnh Phước Đ có vay của bà 30.000.000 đồng với lãi suất 4,5%/tháng. Ông Đ đã đóng lãi cho bà được 36.450.000

đồng. Sau đó bà đồng ý cho ông Đ đóng lãi 2%/tháng nhưng từ ngày 10/09/2023 đến nay ông Đ không đóng lãi cho bà nữa. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Phước Đ trả cho bà 30.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 10/09/2023 đến khi giải quyết vụ việc.

Ngày 19/3/2025 bà P có Đơn trình bày ý kiến nội dung: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án buộc ông Huỳnh Phước Đ trả cho bà một lần số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 10/09/2023 đến khi xét xử. Bà không đồng ý gia hạn thời gian trả nợ cho ông Đ tới ngày 10/08/2025 theo như yêu cầu của ông Đ tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2025.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 02 năm 2025, bị đơn – ông Huỳnh Phước Đ trình bày: Từ trước dịch C, khoảng năm 2019 ông có hỏi vay của bà P 20.000.000 đồng để làm ăn, với lãi suất thoả thuận 4,5 %/tháng, ông có đóng lãi đều đặn cho bà P, đến tháng 5 năm 2021 ông lại vay thêm 10.000.000 đồng giữa hai bên có làm biên nhận viết tay ngày 10/05/2021, Biên nhận do bà P viết, ông có ký tên và dòng chữ "Thêm 10 triệu = 30 triệu" là do ông tự ghi thêm vào biên nhận, xác nhận tổng cộng ông vay của bà P là 30.000.000 đồng. Về thời hạn trả tiền thì không thể hiện trong biên nhận, nhưng tự thoả thuận nào có tiền thì trả lại, còn không cứ đóng lãi đều đặn hàng tháng. Sau đó ông có tiếp tục đóng lãi cho bà P đến tháng 09 năm 2023 do làm ăn không được nên ông ngưng không tiếp tục đóng lãi cho bà P đến nay và hiện tại vẫn còn nợ số tiền trên như bà P trình bày. Nay bà P khởi kiện thì ông đồng ý thanh toán nợ 30.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10/9/2023, nhưng hiện tại do không còn làm ăn mua bán và chưa bán được nhà nên xin hẹn đến 06 tháng sau (Tháng 08 năm 2025) ông sẽ trả tiền cho bà P. Ngoài ra, ông không yêu cầu xem xét lại theo quy định pháp luật đối với số tiền lãi đã đóng cho bà P và xác định đây là nợ riêng của ông, chỉ một mình ông ký tên vay của bà P không liên quan đến vợ ông.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - Bà Dương Thúy P: vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đối với yêu cầu của bà P về việc ông Đ phải trả 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 10/09/2023 đến khi xét xử là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Dương Thúy P có Đơn khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Phước Đ phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng vay giữa các bên. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là Hợp đồng vay tài sản.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Huỳnh Phước Đ có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn – Bà P vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/3/2025 phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận; Bị đơn là ông Đ đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P và ông Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn phải thanh toán số tiền vay còn nợ 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 10/09/2023 theo Biên nhận viết tay ngày 10/05/2021. Bị đơn là ông Đ xác định có vay tiền của bà P có ký tên biên nhận vay tiền mà bà P cung cấp, sau khi vay đã đóng lãi đều đặn hàng tháng đến tháng 9 năm 2023 do gặp khó khăn nên ngưng không tiếp tục trả lãi cho bà P nữa. Nay ông Đ đồng ý thanh toán số tiền vay còn nợ và lãi suất theo quy định của pháp luật cho bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch dân sự giữa bà P và ông Đ hoàn toàn hợp pháp bởi các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện tham gia giao dịch. Ông Đ vay tiền của bà P nhưng lại vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi nguyên đơn có yêu cầu đòi lại tài sản vay nên việc bà P khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc ông Đ trả số tiền vốn gốc 30.000.000 đồng còn nợ là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả lãi: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và Biên nhận ngày 10/5/2021 xác định được giữa các đương sự thỏa thuận mức lãi suất 4,5%/tháng và sau đó theo bà P trình bày có thoả thuận với nhau bên ngoài giảm xuống còn 2% tháng. Xét thấy, hợp đồng vay của các bên có thoả thuận về lãi suất, mức lãi suất thoả thuận vượt quá 20%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên bà P khởi kiện chỉ yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật do đó

có cơ sở được chấp nhận. Lãi suất trong trường hợp này tính theo qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (1,66%/tháng). Từ ngày 10/9/2023 đến ngày xét xử 27/3/2025 là 18 tháng 17 ngày. Nên tiền lãi là 30.000.000 đồng x 18 tháng 17 ngày x 1,16%/tháng = 6.461.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn đồng).

Do đó, tổng cộng số tiền vốn và lãi ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà P là 30.000.000 đồng+ 6.461.000 đồng = 36.461.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn đồng)

Về thời gian thanh toán: Đối với đề nghị của bị đơn ông Đ xin thời gian trả nợ vào tháng 8 năm 2025 không được nguyên đơn là bà P chấp nhận, ngoài ra các bên không có thoả thuận khác, do đó yêu cầu của bị đơn về việc trả nợ vào tháng 8 năm 2025 là không có cơ sở xem xét chấp nhận. Các đương sự có quyền thỏa thuận thời gian trả nợ trong quá trình thi hành án theo quy định tại Điều 6 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí, ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Bà P và ông Đ có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Dương Thúy P:

1.1. Buộc Ông Huỳnh Phước Đ phải trả cho bà Dương Thúy P số tiền 36.461.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn đồng).

1.2. Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Huỳnh Phước Đ phải chịu 1.823.000 đồng (Một triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Dương Thúy P không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0004974 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Dương Thúy P và ông Huỳnh Phước Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Trinh